

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/DSST
Ngày: 04-06-2020.
V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và góp hụi.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hương.

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thái Văn Lộc

2. Bà Nguyễn Thị Kim Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiệp, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ Thư- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 01 và 04 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 348/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2019, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 17/2020/QĐXXST- DS ngày 15 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị Út L, sinh năm 1972. Nơi cư trú: tổ 2, ấp L, xã K, huyện C, tỉnh Tây Ninh. “Có mặt”

Bị đơn: Chị Trần Thị M, sinh năm 1970. Nơi cư trú: tổ 8, ấp L, xã K, huyện C, tỉnh Tây Ninh. “Có mặt”

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Huỳnh Thị My T, sinh năm 1971; Nơi cư trú: số 8/66, ấp Y, xã N, thị xã H, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 04/3/2020). “Có mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25/9/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chị Võ Thị Út L trình bày:

Ngày 30/6/2018 AL Chị Trần Thị M có vay tiền của chị cụ thể: Số tiền 14.160.000 đồng hẹn khi nào mãn hạn trả, hạn đến tháng 06/2020 mãn. Số tiền 11.000.000 đồng hẹn khi nào bán bò trả, hiện nay Chị M đã bán bò nhưng không trả nợ cho chị. Hai khoản vay này lãi suất thỏa thuận miệng 4%/tháng.

Chị M có chơi hạn với chị Nguyễn Thị Mai N 02 dây hạn, hạn 1.000.000 đồng, gồm 25 người/dây, hạn khai ngày 15/6/2018, Chị M hốt hạn nhưng không được nên chị mua hạn của Chị M và nhờ chị N tính giùm hạn kêu 270.000 đồng/ 01 dây hai dây hốt được 35.040.000 đồng, sau khi trừ tiền cò cho chủ thảo 1.000.000 đồng (01 dây 500.000 đồng) còn lại số tiền 34.040.000 đồng, số tiền hạn này chị đã giao cho Chị M trực tiếp nhận có giấy ký nhận (chị đã cung cấp cho Tòa án). Từ khi giao tiền hạn, Chị M không đóng lại hạn chết cho chị. Sau khi chị mua hạn của Chị M thì có thêm 01 phần/01 dây (02 dây là 02 phần)

Hai khoản vay và tiền hạn tổng số tiền là 59.200.000 đồng được viết chung một giấy nợ và chung một ngày 30/6/2018 AL, nhưng chia làm ba khoản để Chị M trả từng đợt, đối với hạn chết trả hàng tháng. Nhưng từ khi vay và hốt hạn đến nay Chị M không đóng hạn chết, không thực hiện việc trả gốc lãi như thỏa thuận.

Trong đơn khởi kiện ngày 25/9/2019 chị yêu cầu Chị M trả số tiền vay và tiền hạn là 59.200.000 đồng. Tuy nhiên, do nhầm lẫn nên chị khởi kiện số tiền hạn là 34.040.000 đồng, ngày 17/02/2020 chị làm đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu Chị M trả số tiền hạn chết từ ngày hốt cho đến khi mãn hạn còn 24 phần hạn chết x 2 dây hạn x 1.000.000 đồng/dây = 48.000.000 đồng.

Tại tòa chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh buộc Chị Trần Thị M trả cho chị tổng số tiền gốc là 73.160.000 đồng (Bảy mươi ba triệu một trăm sáu mươi ngàn), không yêu cầu tính lãi, trong đó tiền vay là 25.160.000 đồng, tiền hạn chết là 48.000.000 đồng. Chị không yêu cầu chồng Chị M là anh Trần Văn M liên đới trả nợ cho chị.

Về án phí, chi phí tố tụng: Yêu cầu Chị M chịu án phí, chi phí tố tụng theo quy định pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của Bị đơn chị T trình bày:

Chị M xác nhận có vay tiền của chị Út L cụ thể: Tháng 01/2017 DL vay số tiền 2.000.000 đồng, tháng 03/2017 DL vay số tiền 5.000.000 đồng, tháng 10/2017 DL vay số tiền 14.000.000 đồng. Những lần vay này đều viết trong sổ nợ của chị

Út L, giấy nợ do Chị L viết và Chị M ký ghi họ tên nhưng không coi cụ thể số ghi gì, việc ký tên do chị tự nguyện không có ai ép buộc. Hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 90.000 đồng/1 triệu/01 tháng. Số nợ 2.000.000 đồng mỗi tháng đóng 180.000 đồng tiền lãi, đóng 18 tháng số tiền 3.240.000 đồng; số nợ 5.000.000 đồng mỗi tháng đóng 450.000 đồng tiền lãi, đóng 15 tháng số tiền 6.750.000 đồng; số nợ 14.000.000 đồng mỗi tháng đóng 1.260.000 đồng tiền lãi, đóng được 09 tháng số tiền 11.340.000 đồng. Tổng số nợ gốc chị còn nợ chị Út L là 21.000.000 đồng, đã đóng được 21.330.000 đồng tiền lãi. Tất cả các lần đóng lãi đều không có giấy tờ gì chứng minh, không có người chứng kiến.

Ngày 30/6/2018 chị Út L có đến gặp Chị M và nói Chị M còn thiếu chị 14.160.000 đồng tiền lãi, kêu chị ký tên vào giấy lãi do Chị L viết, khi ký Chị M không đọc nên biết giấy ghi nợ. Chữ ký trong giấy nợ ngày 30/6/2018 số tiền 14.160.000 đồng là chữ ký của chị, chữ ký số tiền 11.000.000 đồng không phải là chữ ký của Chị M vì chị không mượn Chị L khoản tiền nào như vậy.

Do không có khả năng trả nợ nên chị Út L kêu chị chơi 02 chân hụi của chị N (người quen của chị Út L) và hốt được 39.240.000 đồng để trừ vào khoản nợ 21.000.000 đồng trên, số tiền dư lại chị Út L không giao cho Chị M. Chị Út L có kêu chị ký vào giấy đăng hụi ngày 30/6/2018, chị ký nhưng không đọc nội dung nên không hiểu sao chị Út L ghi trong giấy đăng hụi là 34.040.000 đồng. Mỗi tháng chị đóng cho chị Út L 2.000.000 đồng tiền hụi chết, đóng được số tiền 150.000.000 đồng, việc đóng hụi do Chị L ghi hàng tháng. Chữ ký trong giấy đăng hụi ngày 30/6/2018 đúng là chữ ký của Chị M.

Chị M không đồng ý trả cho Chị L số tiền 73.160.000 đồng. Tại tòa Chị M yêu cầu phản tố yêu cầu Chị L trả cho Chị M số tiền 41.790.000 đồng. Chị L khởi kiện yêu cầu Chị L chịu mọi chi phí.

** Bị đơn Chị M trình bày tại Tòa:*

Chị xác định có vay Chị L ba lần cụ thể: Lần thứ nhất vay tháng 4/2010 AL số tiền 2.000.000 đồng lãi suất 90.000 đồng /1 triệu/01 tháng, đóng lãi 15 tháng số tiền 2.700.000 đồng; Lần hai vay tháng 6/2010 vay 5.000.000 đồng mỗi tháng đóng 450.000 đồng đóng lãi 13 tháng số tiền 5.850.000 đồng; lần 3 vay tháng 10/2010 AL số tiền 14.000.000 đồng, mỗi tháng đóng 1.260.000 đồng đóng lãi 09 tháng số tiền 11.340.000 đồng. Tổng cộng đóng lãi 19.890.000 đồng không có làm giấy.

Chị L có chơi hai phần hụi gồm 02 dây, một dây có 25 phần tháng 6/2018 hốt được bao nhiêu tiền chị không biết chị xác định chữ ký và viết họ và tên trong giấy nhận 34.040.000 đồng tiền hụi là của chị ký và viết họ và tên nhưng chị không có nhận tiền, hốt hụi đóng lại hụi chết 50.000.000 đồng nhưng chị đóng hụi chết tổng cộng số tiền 150.000.000 đồng Chị L có ghi sổ. Chị không chấp nhận yêu cầu của Chị L, chị yêu cầu phản tố yêu cầu Chị L trả lại chị số tiền 41.790.000 đồng.

** Người làm chứng chị Nguyễn Thị Mai N trình bày trong hồ sơ vụ án:* Chị và Chị L, Chị M là chòm xóm với nhau, chị và Chị L chơi hụi với nhau từ 5, 7 năm nay, Chị M tuy chung xóm biết nhau nhưng không chơi thân. Năm 2018 chị có làm hụi thảo, Chị L dắt Chị M lại gặp chị xin chơi hụi, lúc đầu chị không đồng ý vì nhà Chị M và nhà chị cách xa nên chị ngại đi gom hụi. Chị L nói với chị cho Chị M chơi hụi rồi Chị M đóng hụi cho Chị L và Chị L đưa lại cho chị nên chị đồng ý cho Chị M chơi hụi. Chị M chơi của chị 02 dây hụi khui cùng ngày 15/6/2018 AL, lúc đầu gồm 25 phần, sau đó thêm 01 người là 26 phần, hụi mãn vào tháng 06/2020 AL. Trong hai dây hụi này chị Út L chơi 03 chân hụi, trong danh sách hụi chị Út L ghi tên là “Chị Q”, còn Chị M ghi tên là “Dì M”. Khoảng cuối tháng 06/2018 AL Chị L có gặp chị nhờ tính giùm hụi hốt được bao nhiêu để Chị L mua hụi của Chị M. Tôi có tính giùm và ghi vào một tờ giấy đưa cho Chị L, còn việc Chị L và Chị M mua bán hụi như thế nào chị không biết, không chứng kiến. Chị nhớ trong giấy hốt hụi chị ghi nội dung: Hốt 02 dây hụi gồm 50 phần, trừ người hốt còn 48 phần, kêu 270.000 đồng/01 dây, trừ tiền còn 1.000.000 đồng/02 dây, hốt được 34.040.000 đồng. Giấy này chị đưa cho Chị L, chị không biết hiện nay ai người giữ giấy.

Sau đó chị có nói Chị L lấy tiền hụi của Chị M cho chị và Chị L đồng ý, chị không biết Chị M có đóng tiền hụi cho Chị L không, nhưng hàng tháng Chị L đóng tiền hụi của Chị M cho chị đầy đủ. Sau này chị có nghe Chị L nói Chị M không đóng tiền hụi cho Chị L. Hai dây hụi của Chị M Chị L mua để nuôi dành tiền cho con đi học, hiện nay hai chân hụi này còn sống. Chị không biết việc vay mượn tiền giữa Chị L và Chị M. Chị L không phải là người thường cho vay tiền, thỉnh thoảng ai kẹt tiền lại mượn Chị L mới cho mượn. Đối với tranh chấp giữa Chị L và Chị M chị không có ý kiến, yêu cầu giải quyết theo pháp luật. Đối với phần hụi giữa chị và Chị L, Chị M chị không có tranh chấp, sau này có tranh chấp sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Tại bản kết luận giám định số 48/C09B ngày 12/02/2020 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: “ Chữ ký mang tên Trần Thị M có nội dung bắt đầu và kết thúc bằng những từ: “2018 Chị M... ba mươi bốn triệu... Trần Thị M” (ký hiệu A1) so với chữ ký, chữ viết mang tên Trần Thị M trên 09 tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M9 là do cùng một người ký, viết ra. + không đủ cơ sở kết luận chữ viết trên tài liệu có nội dung bắt đầu và kết thúc bằng những từ “Hội n khai ngày 15/6/2018...15/12...200000” (ký hiệu A2 so với chữ trên 12 tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M10 đến M21 là có phải cùng một người viết ra hay không. Chị L, Chị M, chị T không có ý kiến gì đối với kết luận giám định này, yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Võ Thị Út L buộc bị đơn Chị Trần Thị M có nghĩa vụ trả cho Chị L số tiền vay gốc 25.160.000 đồng, không tính lãi, tiền hội đã nhận 34.040.000 đồng và tiền lãi của tiền hội theo quy định của pháp luật. Phần lãi đối với tiền hội vượt quá quy định không có căn cứ chấp nhận. Ghi nhận Chị L không yêu cầu chồng Chị M anh M liên đới trả nợ.

Đương sự phải chịu án phí, chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 27/02/2020 chị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N.

[2] Về nội dung: Hợp đồng vay tiền giữa Chị L và Chị M được ký kết bằng

văn bản, không ghi thời hạn trả nợ và không ghi mức lãi suất. Theo đó, vào ngày 30/6/2018 Chị M vay của Chị L 14.160.000 đồng, cùng ngày 30/6/2018 vay 11.000.000 đồng. Ngoài ra Chị M tham gia chơi hụi do chị Nguyễn Thị Mai N làm chủ hụi, Chị M tham gia hai dây, một dây gồm có 25 phần hụi 1.000.000 đồng/ 01 tháng. Chị M hốt không được Chị L mới mua hụi giá hốt 270.000 đồng/ 01 phần/01 dây Chị L nhờ chị N tính giùm hai dây số tiền 35.040.000 đồng, sau khi trừ tiền cò cho chủ hụi 1.000.000 đồng/02 dây còn lại số tiền 34.040.000 đồng Chị L đăng cho Chị M. Việc ký kết hợp đồng vay tiền và mua bán hụi là tự nguyện hợp pháp, do có tranh chấp về nghĩa vụ trả nợ và đóng hụi chết nên Chị L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Chị M trả cho chị 73.160.000 đồng, chị không yêu cầu chồng Chị M anh Trần Văn M liên đới trả nợ.

[3] Chị M khai tại các bút lục số 17, 19, 24, 25 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Chị M khai: Tháng 01/2017 Chị M vay của Chị L 2.000.000 đồng, lãi suất 90.000 đồng/1 tháng/1.000.000 đồng Chị M đóng 18 tháng số tiền 3.240.000 đồng, tháng 3/2017 vay 5.000.000 đồng lãi suất 90.000 đồng/1 tháng/1.000.000 đồng, đóng lãi 15 tháng số tiền 6.750.000 đồng, tháng 10/2017 vay 14.000.000 đồng lãi suất 90.000 đồng/tháng/1.000.000 đồng, đóng lãi 09 tháng số tiền 11.340.000 đồng. Tổng cộng tiền lãi 21.330.000 đồng chị đóng lãi tại nhà Chị L, không có làm giấy, không có ai chứng kiến. Do không có khả năng trả nợ Chị L kêu chị chơi hụi do chị N làm chủ, chị tham gia 02 dây, 01 dây 01 phần Chị L kêu hốt được 39.240.000 đồng Chị L giữ khấu trừ nợ 21.000.000 đồng chị còn dư 18.240.000 đồng Chị L không trả cho chị. Chị đóng hụi chết cho Chị L 08 tháng số tiền 16.000.000 đồng. chị còn thiếu tiền hụi 16 tháng số tiền 32.000.000 đồng chị đồng ý trả cho Chị L.

Tại các bút lục số 72, 78, 90 của Chị M thể hiện: Tháng 4/2010 AL vay 2.000.000 đồng đóng lãi đến tháng 6/2011 AL là 15 tháng số tiền 2.700.000 đồng, tháng 6/2010 AL vay 5.000.000 đồng đóng lãi đến tháng 6/2011 AL là 13 tháng số tiền 5.850.000 đồng, tháng 10/2010 AL vay 14.000.000 đồng, đóng lãi đến tháng 6/2011AL là 09 tháng số tiền 11.340.000 đồng. Tổng cộng đóng lãi 19.890.000 đồng. Tháng 7/2010 AL chuyển qua thành hụi đóng hụi mỗi tháng 2.000.000 đồng đóng 25 lần để trừ hết tiền vốn vay. Chị M đóng cho Chị L từ tháng 7/2010 AL cho đến tháng 01/2019 là 75 tháng (06 năm 03 tháng) số tiền

150.000.000 đồng.

Tại phiên tòa Chị M khai: năm vay tiền là năm 2010, Chị M xác định chữ ký khoảng nợ 14.160.000 đồng và tiền hốt hụi 34.040.000 đồng đúng là chữ ký và chữ viết của chị, chữ ký và chữ viết khoảng nợ 11.000.000 đồng chị không thừa nhận. Tại tòa Chị M không chấp nhận yêu cầu của Chị L, chị yêu cầu phản tố yêu cầu Chị L trả chị số tiền 41.790.000 đồng chị cung cấp cuộc điện thoại giữa chị và Chị L được chị ghi âm bằng điện thoại.

[4] Tại bản kết luận giám định số 48/C09B ngày 12/02/2020 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: “ Chữ ký mang tên Trần Thị M có nội dung bắt đầu và kết thúc bằng những từ: “2018 Chị M... ba mươi bốn triệu... Trần Thị M” (ký hiệu A1) so với chữ ký, chữ viết mang tên Trần Thị M trên 09 tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M9 là do cùng một người ký, viết ra. + không đủ cơ sở kết luận chữ viết trên tài liệu có nội dung bắt đầu và kết thúc bằng những từ “Hụi ng khui ngày 15/6/2018...15/12...200000” (ký hiệu A2 so với chữ trên 12 tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M10 đến M21 là có phải cùng một người viết ra hay không.

[5] Như vậy, có căn cứ xác định Chị Trần Thị M vay nợ của Chị L và bán hụi cho Chị L theo giấy nợ trên là thật. Việc Chị M khai tại phiên tòa và trong lời khai trước đây mâu thuẫn với nhau, về thời gian về tiền lãi đã đóng hơn nữa Chị L không thừa nhận và Chị M cũng không có chứng cứ chứng minh. Do đó Chị M cho rằng không còn nợ Chị L số tiền vay 25.160.000 đồng và tiền hụi 34.040.000 đồng là không đủ căn cứ.

[6] Đối với số tiền 34.040.000 đồng Chị M đã nhận của Chị L vào ngày 30/6/2018 AL, Chị L cho rằng đây là tiền mua hụi nhưng việc mua hụi không có sự đồng ý của người chủ hụi cụ thể là chị N nên đây là giao dịch vay tài sản có lãi giữa Chị L và Chị M, Giấy Chị M ký nhận tiền ngày 30/6/2018 AL nhưng tháng 6 năm 2018 Al không có ngày 30 nên chấp nhận ngày tiếp theo là ngày 01/7/2018 AL tức ngày 11/8/2018 DL. Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tính lãi cụ thể:

Từ ngày 11/8/2018 DL đến này 01/6/2020 DL là 660 ngày, gốc 34.040.000 đồng, lãi suất 20%/năm, một ngày lãi là 18.652 đồng x 660 ngày là 12.310.320 đồng, làm tròn 12.310.000 đồng. Như vậy Hội đồng xét xử chấp nhận một phần

yêu cầu của Chị L, buộc Chị M có nghĩa vụ trả cho Chị L tổng cộng số tiền: 71.510.000 đồng; trong đó vay gốc 25.160.000 đồng, tiền hui gốc 34.040.000 đồng, tiền lãi của tiền hui 12.310.000 đồng là phù hợp với Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu của Chị L yêu cầu Chị M trả số tiền 1.650.000 đồng.

[7] Đối với yêu cầu phản tố của Chị M yêu cầu Chị L trả lại chị số tiền 41.790.000 đồng thì thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án, các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải chị M không có đơn yêu cầu phản tố, tại phiên tòa Chị M yêu cầu Chị L trả lại số tiền đã nhận vượt quá quy định của pháp luật vi phạm Điều 199 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Tại phiên tòa, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí, chi phí tố tụng: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 160, 161, 162, 199, Khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Chị Võ Thị Út L.

Buộc Chị Trần Thị M có nghĩa vụ trả cho Chị Võ Thị Út L số tiền 71.510.000 đồng, trong đó tiền vay là 59.200.000 đồng, tiền lãi 12.310.000 đồng. Ghi nhận Chị L không yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay 25.160.000 đồng, không yêu cầu chồng Chị M anh Trần Văn M liên đới trả nợ.

Không chấp nhận yêu cầu của Chị L yêu cầu Chị M trả số tiền 1.650.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong

tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí, chi phí tố tụng:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị M phải chịu 3.575.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Võ Thị Út L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.480.000 đồng theo biên lai thu số 0006361 ngày 04/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Hoàn trả lại cho Chị L 1.529.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006361 ngày 04/10/2019 và biên lai thu số 0006745 ngày 18/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Về chi phí tố tụng: Chị M phải chịu 2.000.000 đồng chi phí giám định.

Chị L không phải chịu chi phí giám định. Ghi nhận Chị L đã nộp 2.000.000 đồng tiền chi phí giám định và chi xong, Chị M có trách nhiệm trả lại cho Chị L 2.000.000 đồng.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H Châu Thành;
- THADS H Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Hường